TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 423/2026/DS-ST
Ngày: 26/6/2026
Về "tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Duy Hùng;

2. Ông Ngô Văn Bi

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Đào Tuấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp:* Ông Nguyễn Văn Quí – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 30/2026/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp "*Hợp đồng góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 373/2026/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 351/2026/QĐST-DS ngày 28/5/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Tuyết N**, sinh năm 1970.
CCCD số: 082170010728.
Địa chỉ: khu phố L, phường S, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Bà **Đỗ Thị Tuyết N1**, sinh năm 1963.
CCCD số: 082163008915.
Địa chỉ: khu phố L, phường S, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà Lê Thị Tuyết N xin xét xử vắng mặt; bà Đỗ Thị Tuyết N1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết N trình bày:*

Qua mối quan hệ quen biết, bà Đỗ Thị Tuyết N1 có tham gia 07 dây hụi

do bà Lê Thị Tuyết N làm chủ hụi, cụ thể như sau:

- Dây hụi 1: Loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, hụi mở ngày 05/11/2022 âm lịch (28/11/2022 dương lịch), mãn ngày 05/8/2024 âm lịch (07/09/2024 dương lịch), hụi có 22 phần, bà Đỗ Thị Tuyết N1 tham gia 02 phần, bà Đỗ Thị Tuyết N1 đã hốt cả 02 phần hụi và chưa góp đủ lại hụi chết cho bà Lê Thị Tuyết N và còn nợ số tiền 16.000.000 đồng, cụ thể như sau:

+ Phần 1: Bà Đỗ Thị Tuyết N1 đóng được 2 kỳ, hốt vào kỳ thứ 3 vào ngày 05/01/2023 âm lịch được số tiền sau khi trừ thảo là 14.310.000 đồng, sau khi hốt hụi bà Đỗ Thị Tuyết N1 tiếp tục góp cho bà Lê Thị Tuyết N đến ngày 05/10/2023 âm lịch thì ngưng cho đến khi mãn hụi, nên phần hụi này bà Đỗ Thị Tuyết N1 còn nợ lại bà Lê Thị Tuyết N 08 kỳ hụi chết với số tiền là 8.000.000 đồng.

+ Phần 2: Bà Đỗ Thị Tuyết N1 đóng được 4 kỳ, hốt hụi vào kỳ thứ 5 vào ngày 05/02/2023 âm lịch (tháng 02 sau do nhuần) được số tiền sau khi trừ thảo là 15.270.000 đồng; sau khi hốt hụi bà Đỗ Thị Tuyết N1 tiếp tục góp cho bà Lê Thị Tuyết N đến ngày 05/10/2023 âm lịch thì ngưng cho đến khi mãn hụi, nên phần hụi này bà Đỗ Thị Tuyết N1 còn nợ lại bà Lê Thị Tuyết N 08 kỳ hụi chết với số tiền là 8.000.000 đồng.

- Dây hụi 2: Loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, hụi mở ngày 10/4/2023 âm lịch (28/05/2023 dương lịch), mãn ngày 10/11/2024 âm lịch (10/12/2024 dương lịch), hụi có 20 phần, bà Đỗ Thị Tuyết N1 tham gia 01 phần, bà Đỗ Thị Tuyết N1 đóng được 01 kỳ và hốt hụi vào kỳ thứ 2 (ngày 10/5/2023 âm lịch) được số tiền sau khi trừ thảo là 26.600.000 đồng, sau khi hốt hụi, bà Đỗ Thị Tuyết N1 tiếp tục góp cho bà Lê Thị Tuyết N đến ngày 10/10/2023 âm lịch thì ngưng cho đến khi mãn hụi, bà Đỗ Thị Tuyết N1 còn nợ lại bà Lê Thị Tuyết N 13 kỳ hụi chết với số tiền là 26.000.000 đồng.

- Dây hụi 3: Loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, hụi mở ngày 10/5/2023 âm lịch (27/6/2023 dương lịch) mãn ngày 10/12/2024 âm lịch (09/01/2025 dương lịch), hụi có 20 phần, bà Đỗ Thị Tuyết N1 tham gia 02 phần, bà Đỗ Thị Tuyết N1 đã hốt cả 02 phần hụi và chưa góp đủ lại hụi chết cho bà Lê Thị Tuyết N và còn nợ số tiền 56.000.000 đồng, cụ thể như sau:

+ Phần 1: Bà Đỗ Thị Tuyết N1 đóng được 3 kỳ, hốt vào kỳ thứ 4 vào ngày 10/8/2023 âm lịch được số tiền sau khi trừ thảo là 28.180.000 đồng, sau khi hốt hụi bà Đỗ Thị Tuyết N1 tiếp tục góp cho bà Lê Thị Tuyết N đến ngày 10/10/2023 âm lịch thì ngưng cho đến khi mãn hụi, nên phần hụi này bà Đỗ Thị Tuyết N1 còn nợ lại bà Lê Thị Tuyết N 14 kỳ hụi chết với số tiền là 28.000.000 đồng.

+ Phần 2: Bà Đỗ Thị Tuyết N1 đóng được 5 kỳ, hốt hụi vào kỳ thứ 6 vào ngày 10/10/2023 âm lịch được số tiền sau khi trừ thảo là 28.660.000 đồng; sau khi hốt hụi thì bà Đỗ Thị Tuyết N1 không đóng hụi chết cho đến khi mãn hụi, nên phần hụi này bà Đỗ Thị Tuyết N1 còn nợ lại

bà Lê Thị Tuyết N 14 kỳ hụi chết với số tiền là 28.000.000 đồng.

- Dây hụi 4: Loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, hụi mở ngày 15/02/2023 (nhuần) âm lịch (06/3/2023 dương lịch) mãn ngày 15/10/2024 âm lịch (15/11/2024 dương lịch), hụi có 20 phần, bà Đỗ Thị Tuyết N1 tham gia 02 phần, bà Đỗ Thị Tuyết N1 đã hốt cả 02 phần hụi và chưa góp đủ lại hụi chết cho bà Lê Thị Tuyết N và còn nợ số tiền 44.000.000 đồng, cụ thể như sau:

+ Phần 1: Bà Đỗ Thị Tuyết N1 đóng được 1 kỳ, hốt vào kỳ thứ 2 vào ngày 15/3/2023 âm lịch được số tiền sau khi trừ thảo là 27.320.000 đồng, sau khi hốt hụi bà Đỗ Thị Tuyết N1 tiếp tục góp cho bà Lê Thị Tuyết N đến ngày 15/10/2023 âm lịch thì ngưng cho đến khi mãn hụi, nên phần hụi này bà Đỗ Thị Tuyết N1 còn nợ lại bà Lê Thị Tuyết N 11 kỳ hụi chết với số tiền là 22.000.000 đồng.

+ Phần 2: Bà Đỗ Thị Tuyết N1 đóng được 3 kỳ, hốt hụi vào kỳ thứ 4 vào ngày 15/5/2023 âm lịch được số tiền sau khi trừ thảo là 28.180.000; sau khi hốt hụi bà Đỗ Thị Tuyết N1 tiếp tục góp cho bà Lê Thị Tuyết N đến ngày 15/10/2023 âm lịch thì ngưng cho đến khi mãn hụi, nên phần hụi này bà Đỗ Thị Tuyết N1 còn nợ lại bà Lê Thị Tuyết N 11 kỳ hụi chết với số tiền là 22.000.000 đồng.

- Dây hụi 5: Loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, hụi mở ngày 05/9/2023 âm lịch (19/10/2023 dương lịch) mãn ngày 05/02/2024 âm lịch (14/3/2024 dương lịch), hụi có 18 phần, bà Đỗ Thị Tuyết N1 tham gia 02 phần, bà Đỗ Thị Tuyết N1 đã hốt cả 02 phần hụi và chưa góp đủ lại hụi chết cho bà Lê Thị Tuyết N và còn nợ số tiền 60.000.000 đồng, cụ thể như sau:

+ Phần 1: Bà Đỗ Thị Tuyết N1 đóng được 1 kỳ, hốt vào kỳ thứ 2 vào ngày 05/10/2023 âm lịch được số tiền sau khi trừ thảo là 23.700.000 đồng, sau khi hốt hụi bà Đỗ Thị Tuyết N1 tiếp tục góp cho bà Lê Thị Tuyết N đến ngày 05/11/2023 âm lịch thì ngưng cho đến khi mãn hụi, nên phần hụi này bà Đỗ Thị Tuyết N1 còn nợ lại bà Lê Thị Tuyết N 15 kỳ hụi chết với số tiền là 30.000.000 đồng.

+ Phần 2: Bà Đỗ Thị Tuyết N1 đóng được 2 kỳ, hốt hụi vào kỳ thứ 3 vào ngày 05/11/2023 âm lịch được số tiền sau khi trừ thảo là 23.500.000 đồng; sau khi hốt hụi bà Đỗ Thị Tuyết N1 không góp hụi chết cho đến khi mãn hụi, nên phần hụi này bà Đỗ Thị Tuyết N1 còn nợ lại bà Lê Thị Tuyết N 15 kỳ hụi chết với số tiền là 30.000.000 đồng.

- Dây hụi 6: Loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, hụi mở ngày 25/9/2022 âm lịch (20/10/2022 dương lịch) mãn ngày 25/3/2024 âm lịch (03/5/2024 dương lịch), hụi có 19 phần, bà Đỗ Thị Tuyết N1 tham gia 01 phần, bà Đỗ Thị Tuyết N1 đóng được 4 kỳ và hốt hụi vào kỳ thứ 5 (ngày 25/01/2023 âm lịch) được số tiền sau khi trừ thảo là 26.800.000 đồng, sau khi hốt hụi bà Đỗ Thị Tuyết N1 tiếp tục góp cho bà Lê Thị Tuyết N đến ngày 25/10/2023 âm lịch thì ngưng cho đến khi mãn hụi, bà Đỗ Thị Tuyết N1 còn nợ lại bà Lê

Thị Tuyết N 5 kỳ hụi chết với số tiền là 10.000.000 đồng.

- Dây hụi 7: Loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, hụi mở ngày 25/3/2022 âm lịch (25/4/2022 dương lịch) mãn ngày 25/12/2023 âm lịch (04/02/2024 dương lịch), hụi có 22 phần, bà Đỗ Thị Tuyết N1 tham gia 03 phần, bà Đỗ Thị Tuyết N1 đã hốt cả 03 phần hụi và chưa góp đủ lại hụi chết cho bà Lê Thị Tuyết N và còn nợ số tiền 6.000.000 đồng, cụ thể như sau:

+ Phần 1: Bà Đỗ Thị Tuyết N1 đóng được 3 kỳ, hốt vào kỳ thứ 4 vào ngày 25/6/2022 âm lịch được số tiền sau khi trừ thảo là 14.620.000 đồng, sau khi hốt hụi bà Đỗ Thị Tuyết N1 tiếp tục góp cho bà Lê Thị Tuyết N đến ngày 25/10/2023 âm lịch thì ngưng cho đến khi mãn hụi, nên phần hụi này bà Đỗ Thị Tuyết N1 còn nợ lại bà Lê Thị Tuyết N 02 kỳ hụi chết với số tiền là 2.000.000 đồng.

+ Phần 2: Bà Đỗ Thị Tuyết N1 đóng được 8 kỳ, hốt hụi vào kỳ thứ 9 vào ngày 25/11/2022 âm lịch được số tiền sau khi trừ thảo là 16.040.000 đồng; sau khi hốt hụi bà Đỗ Thị Tuyết N1 tiếp tục góp cho bà Lê Thị Tuyết N đến ngày 25/10/2023 âm lịch thì ngưng cho đến khi mãn hụi, nên phần hụi này bà Đỗ Thị Tuyết N1 còn nợ lại bà Lê Thị Tuyết N 02 kỳ hụi chết với số tiền là 2.000.000 đồng.

+ Phần 3: Bà Đỗ Thị Tuyết N1 đóng được 11 kỳ, hốt hụi vào kỳ thứ 12 vào ngày 25/02/2023 âm lịch được số tiền sau khi trừ thảo là 17.300.000 đồng; sau khi hốt hụi bà Đỗ Thị Tuyết N1 tiếp tục góp cho bà Lê Thị Tuyết N đến ngày 25/10/2023 âm lịch thì ngưng cho đến khi mãn hụi, nên phần hụi này bà Đỗ Thị Tuyết N1 còn nợ lại bà Lê Thị Tuyết N 02 kỳ hụi chết với số tiền là 2.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền hụi chết bà Đỗ Thị Tuyết N1 còn nợ bà Lê Thị Tuyết N của 07 dây hụi là: 218.000.000 đồng và bà Lê Thị Tuyết N yêu cầu tính lãi chậm trả với mức lãi suất 0,83%/tháng, tương ứng với số tiền của từng dây hụi mà bà Đỗ Thị Tuyết N1 còn nợ, tính từ ngày mãn hụi đến khi tòa án xét xử xong vụ án; cụ thể như sau:

+ Dây hụi 1: Số tiền 16.000.000 đồng tính từ ngày 07/9/2024 dương lịch (ngày kết thúc dây hụi) đến khi tòa án xét xử xong vụ án với mức lãi suất 0,83%/tháng.

+ Dây hụi 2: Số tiền 26.000.000 đồng tính từ ngày 10/12/2024 dương lịch (ngày kết thúc dây hụi) đến khi tòa án xét xử xong vụ án với mức lãi suất 0,83%/tháng.

+ Dây hụi 3: Số tiền 56.000.000 đồng tính từ ngày 09/01/2025 dương lịch (ngày kết thúc dây hụi) đến khi tòa án xét xử xong vụ án với mức lãi suất 0,83%/tháng.

+ Dây hụi 4: Số tiền 44.000.000 đồng tính từ ngày 15/11/2024 dương lịch (ngày kết thúc dây hụi) đến khi tòa án xét xử xong vụ án với mức

lãi suất 0,83%/tháng.

+ Dây hụi 5: Số tiền 60.000.000 đồng tính từ ngày 14/3/2024 dương lịch (ngày kết thúc dây hụi) đến khi tòa án xét xử xong vụ án với mức lãi suất 0,83%/tháng.

+ Dây hụi 6: Số tiền 10.000.000 đồng tính từ ngày 03/5/2024 dương lịch (ngày kết thúc dây hụi) đến khi tòa án xét xử xong vụ án với mức lãi suất 0,83%/tháng.

+ Dây hụi 7: Số tiền 6.000.000 đồng tính từ ngày 04/02/2024 dương lịch (ngày kết thúc dây hụi) đến khi tòa án xét xử xong vụ án với mức lãi suất 0,83%/tháng.

Thực hiện trả tiền nợ hụi và tiền lãi khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn bà Đỗ Thị Tuyết N1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng bà Đỗ Thị Tuyết N1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.*

* Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả 218.000.000 đồng tiền nợ hụi và lãi suất chậm trả theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết N khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị Tuyết N1 trả lại số tiền số tiền nợ hụi, nên xác định đây là tranh chấp về "hợp đồng góp hụi", theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại phường S, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Đỗ Thị Tuyết N1 đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, dự phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng.

Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Đối với khoản tiền hụi: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà Lê Thị Tuyết N đã cung cấp các tờ "*Giấy giao hụi*" được in sẵn theo mẫu tương ứng với các dây hụi bà Lê Thị Tuyết N trình bày. Trong từng tờ giấy giao hụi đều có thể hiện nội dung Tên người hốt hụi, loại hụi, số phần hụi, ngày khui hụi, ngày hốt hụi, số phần sống, số phần chết, số tiền cho thảo và số tiền hụi được hốt, tại mục "Ký nhận tiền hụi" của các tờ Giấy giao hụi đều có chữ ký và chữ viết "Tuyết Nga" hoặc "Đỗ Thị Tuyết N1".

[3.2] Bà Đỗ Thị Tuyết N1 mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên căn cứ vào Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Đỗ Thị Tuyết N1 phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ của bà Lê Thị Tuyết N cung cấp, xác định giao dịch góp hụi giữa bà Lê Thị Tuyết N và bà Đỗ Thị Tuyết N1 là có thật, và việc bà Lê Thị Tuyết N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Đỗ Thị Tuyết N1 trả tổng số tiền nợ hụi 218.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3.3] Về tiền lãi: Nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết N yêu cầu tính lãi chậm trả đối với từng dây hụi với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày mãn hụi đến khi Tòa án xét xử vụ án (tính tròn tháng). Xét thấy bị đơn phải có nghĩa vụ đóng lại tiền theo kỳ cho nguyên đơn sau khi lĩnh tiền hụi, nhưng bị đơn không thực hiện cho đến khi các dây hụi đã mãn. Việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả với mực lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày mãn hụi tương ứng từng dây hụi là phù hợp quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, nên được chấp nhận. Số tiền lãi cụ thể như sau:

+ Dây hụi 1: Số tiền 16.000.000 đồng tính từ ngày 07/9/2024 dương lịch đến ngày xét xử (26/6/2026) là 21 tháng x 0,83%/tháng = 2.788.800 đồng.

+ Dây hụi 2: Số tiền 26.000.000 đồng tính từ ngày 10/12/2024 dương lịch đến ngày xét xử (26/6/2026) là 18 tháng x 0,83%/tháng = 3.884.400 đồng.

+ Dây hụi 3: Số tiền 56.000.000 đồng tính từ ngày 09/01/2025 dương lịch đến ngày xét xử (26/6/2026) là 17 tháng x 0,83%/tháng = 7.901.600 đồng.

+ Dây hụi 4: Số tiền 44.000.000 đồng tính từ ngày 15/11/2024 dương lịch đến ngày xét xử (26/6/2026) là 19 tháng x 0,83%/tháng = 6.938.800 đồng.

+ Dây hụi 5: Số tiền 60.000.000 đồng tính từ ngày 14/3/2024 dương

lịch đến ngày xét xử (26/6/2026) là 27 tháng x 0,83%/tháng = 13.446.000 đồng.

+ Dây hụi 6: Số tiền 10.000.000 đồng tính từ ngày 03/5/2024 dương lịch đến ngày xét xử (26/6/2026) là 25 tháng x 0,83%/tháng = 2.075.000 đồng.

+ Dây hụi 7: Số tiền 6.000.000 đồng tính từ ngày 04/02/2024 dương lịch đến ngày xét xử (26/6/2026) là 28 tháng x 0,83%/tháng = 1.394.400 đồng.

Tổng cộng tiền lãi chậm trả của 07 dây hụi là 38.429.000 đồng.

[3.4] Như vậy, tổng số tiền nợ hụi và tiền lãi chậm trả bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 218.000.000 đồng + 38.429.000 đồng = 256.429.000 đồng.

[4] Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ: Nguyên đơn yêu cầu thực hiện nghĩa vụ khi án có hiệu lực pháp luật, bị đơn vắng mặt không có ý kiến. Xét việc bị đơn bà Đỗ Thị Tuyết N1 vắng mặt không thỏa thuận được thời hạn thực hiện nghĩa vụ, nên cần buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ cho nguyên đơn khi án có hiệu lực pháp luật; phương thức và thời hạn thực hiện nghĩa vụ được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ và phù hợp với nhận định trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 471, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tuyết N.

1. Buộc bà Đỗ Thị Tuyết N1 có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Tuyết N số tiền nợ hụi, tiền lãi tổng cộng là 256.429.000 đồng *(hai trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn đồng)*. Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Lê Thị Tuyết N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong; bà Đỗ Thị Tuyết N1 phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Bà Đỗ Thị Tuyết N1 phải chịu 12.821.000 đồng *(mười hai triệu tám trăm hai mươi mốt nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lê Thị Tuyết N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H lại bà Lê Thị Tuyết N 6.838.559 đồng *(sáu triệu tám trăm ba mươi tám nghìn năm trăm năm mươi chín đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000030 ngày 05/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND KV2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Đặng Văn Lắm